

Thực trạng quản lý các trường trung học phổ thông ngoài công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội

Nguyễn Văn Cao

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội
23 Quang Trung, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Email: caonv@hanoiedu.vn

TÓM TẮT: Bài báo nghiên cứu đánh giá thực trạng quản lý các trường trung học phổ thông ngoài công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội. Khung lý thuyết quản lý các trường trung học phổ thông ngoài công lập theo hướng tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở quản lý bao gồm các nội dung sau: Xây dựng quy hoạch phát triển và chính sách hoạt động; Quản lý công tác tuyển sinh và quản lý người học; Quản lý các hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục; Quản lý đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; Quản lý tài chính, cơ sở vật chất, hoạt động xã hội hóa giáo dục; Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý các trường trung học phổ thông ngoài công lập. Kết quả đánh giá cho thấy rằng, quản lý các trường trung học phổ thông ngoài công lập theo hướng tự chủ và tự chịu trách nhiệm ở Hà Nội có nhiều ưu điểm, có thể góp phần khắc phục được các hạn chế, bất cập của công tác quản lý các cơ sở giáo dục nói chung, các trường trung học phổ thông ngoài công lập nói riêng ở Hà Nội và có thể mở rộng cho nhiều địa phương khác.

TỪ KHÓA: Quản lý nhà trường; trường trung học phổ thông; trường trung học phổ thông ngoài công lập; quản lý người học; đánh giá thực trạng quản lý.

→ Nhận bài 20/01/2019 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 15/03/2019 → Duyệt đăng 25/03/2019.

1. Đặt vấn đề

Công tác xã hội hóa giáo dục (GD) đã được Đảng, Nhà nước quan tâm và định hướng phát triển ngay từ khi Việt Nam bước vào thời kì đổi mới, thời kì công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH) đất nước. Điều này được thể hiện bằng sự hình thành và phát triển loại hình các trường ngoài công lập (NCL) từ những năm cuối thập kỉ 80 của thế kỉ XX [1], [2]. Từ đó cho đến nay, hệ thống các trường NCL đã phát triển mạnh mẽ về số lượng ở thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác. Nhiều trường đã khẳng định được vị trí, chất lượng của mình trong ngành GD. Phát triển các trường NCL là một trong những con đường thực hiện chủ trương xã hội hoá GD. Luật GD đã khẳng định: “Phát triển GD, xây dựng xã hội học tập là sự nghiệp của Nhà nước và của toàn dân. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong phát triển sự nghiệp GD, thực hiện đa dạng hoá các loại hình trường, khuyến khích huy động và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp GD...” [3]. Điều đó khẳng định rằng, để huy động được nguồn lực của xã hội thì một trong những giải pháp chiến lược chính là quy hoạch và phát triển mạnh, hợp lí loại hình các trường NCL [4], [5], [6].

Hà Nội là một trong những địa phương đi đầu trong việc đẩy mạnh huy động nguồn lực của xã hội để phát triển GD. Với cấp THPT, đến nay đã có 105 trường NCL trong số 296 trường của cả nước ở cấp học này, trong đó có nhiều trường đã khẳng định vị trí, vai trò và chất lượng GD của mình đối với các bậc phụ huynh Thủ đô và các tỉnh lân cận. Bên cạnh những ưu điểm, hệ thống các trường NCL vẫn còn tồn tại

những hạn chế bất cập, nhất là trong công tác quản lý (QL) các trường này. Bên cạnh các hạn chế bất cập của công tác QL chung đối với cấp học THPT, vẫn còn những hạn chế mang tính đặc thù chỉ có ở các trường NCL. Có những hạn chế, bất cập mà ở các trường NCL ở mức độ phức tạp, trầm trọng hơn. Để tiếp tục phát triển các trường trung học phổ thông (THPT) NCL trong bối cảnh hiện nay, công tác QL cần đổi mới theo hướng tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở GD [7], [8], [9], [10]. Trong bài báo này, chúng tôi nghiên cứu đánh giá thực trạng công tác QL các trường THPT NCL trên địa bàn thành phố Hà Nội, từ đó làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp QL góp phần khắc phục các bất cập, hạn chế để công tác QL tốt hơn, phù hợp hơn với bối cảnh hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

Hiện nay, hệ thống GD THPT của thành phố có 212 trường (trong đó có 65 trường đạt chuẩn quốc gia), với 5.100 lớp, 196.469 học sinh (HS), 11.722 giáo viên (GV), 4.517 phòng học, bình quân 38,5 HS/lớp; trong đó có 110 trường công lập (có 56 trường đạt chuẩn quốc gia) với 3.922 lớp, 156.673 HS (HS công lập chiếm tỉ lệ 79,7%), 8.208 GV, 3.012 phòng học, bình quân 39,9 HS/lớp. So với 5 năm trước, GD THPT toàn thành phố tăng 12 trường học, tăng 43 trường đạt chuẩn quốc gia, tăng 127 lớp, giảm 16.492 HS, giảm 542 GV và tăng 216 phòng học. Trong đó, tăng 4 trường học công lập, tăng 37 trường đạt chuẩn quốc gia, giảm 28 lớp, giảm 18.438 HS, giảm 371 GV và tăng 132 phòng học.

Kết quả khảo sát được trình bày trong bài báo này dựa trên kết quả 170 phiếu điều tra đối với cán bộ QL (CBQL),

chuyên viên của Sở GD và Đào tạo (GD&ĐT), CBQL trường THPT NCL của Hà Nội, trong đó CBQL, chuyên viên Sở GD&ĐT có 20 người; CBQL trường THPT NCL có 150 người. Thang đo 3 mức độ, gồm: Mức độ thấp: Từ 1 đến dưới 1,67; Mức độ trung bình: Từ 1,67 đến 2,34; Mức độ cao: Từ 2,34 đến 3. Thang đo 4 mức độ gồm: Mức độ thấp: Từ 1 đến dưới 1,75; Mức độ trung bình: Từ 1,75 đến dưới 2,5; Mức độ khá: Từ 2,5 đến dưới 3,25; Mức độ cao: Từ 3,25 đến 4. Ngoài ra, kết quả phỏng vấn sâu đối với các chuyên gia, CBQL được bổ sung làm rõ thêm các khía cạnh QL. Dưới đây là kết quả khảo sát theo các nội dung QL đã được đề xuất.

2.1. Thực trạng quản lý xây dựng quy hoạch phát triển và chính sách hoạt động

Kết quả khảo sát thực trạng QL xây dựng quy hoạch phát triển và chính sách hoạt động đối với các trường THPT NCL tại thành phố Hà Nội được trình bày trong *Bảng 1*. Kết quả khảo sát nội dung này có giá trị trung bình là 2.92 cho thấy thực trạng xây dựng quy hoạch phát triển và chính sách hoạt động được thực hiện khá tốt, trong đó một số nội dung được đánh giá thực hiện tốt hơn, như: *Bổ nhiệm cán bộ QL, công nhận Hội đồng quản trị đối với các trường THPT NCL* (3.01); *Khảo sát quy mô số lượng HS trên các địa bàn dân cư* (3.00). Quy mô trường THPT NCL hiện có 98/207 trường có mặt hầu hết trên địa bàn các quận, huyện thị xã (chiếm 47,3%); thu hút được 32.933 HS (chiếm 17,5%) tính chung toàn thành phố và 3.507 GV; trong đó có 7/98 trường đạt Chuẩn quốc gia (7,1%). Tỷ lệ trường chuẩn quá thấp so với yêu cầu chung của thành phố (đến năm 2015 phải đạt từ 50 - 55%).

Kết quả phỏng vấn trực tiếp cho thấy phần lớn các ý kiến đều khẳng định việc thành lập các trường ngoài NCL là tự phát và thực sự chưa được sự hỗ trợ nhiều của các cơ quan chức năng chịu trách nhiệm QL nhà nước về hệ thống

trường. Việc ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ cá nhân, tập thể có nhu cầu mở trường THPT NCL và khảo sát thực tế và cấp phép hoạt động cho các trường THPT NCL theo đúng quy định là những nội dung được quan tâm thực hiện nhưng với kết quả chưa cao. Các văn bản quy định liên quan đến các trường THPT NCL chưa cụ thể, còn chung chung và có nhiều khoảng trống, đặc biệt là các quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục công nhận hội đồng quản trị (HDQT)/Nhà đầu tư, CBQL đối với các trường NCL, dẫn đến khó khăn trong thực tiễn thực hiện (phải vận dụng từ các văn bản, các quy định pháp luật khác có liên quan để thực hiện việc xem xét, công nhận HDQT/Nhà đầu tư, CBQL đối với các trường THPT NCL). Hiện nay, các trường THPT NCL được tự chủ thời gian tuyển sinh. Vì vậy, đã tạo ra sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các trường NCL. Về chế độ, chính sách, thi đua, khen thưởng và kỉ luật đối với GV còn chưa được chú trọng. Một số trường thực hiện các thủ tục kiện toàn tổ chức bộ máy còn chưa kịp thời theo quy định...

2.2. Thực trạng quản lý công tác tuyển sinh và quản lý người học

Kết quả khảo sát thực trạng QL công tác tuyển sinh và QL người học đối với các trường THPT NCL tại thành phố Hà Nội được trình bày trong *Bảng 2*. Kết quả khảo sát nội dung này có giá trị trung bình là 2.96, cho thấy thực trạng QL công tác tuyển sinh và QL người học khá tốt. Trong đó, *Khảo sát thực tế và ban hành chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm đối với các trường THPT NCL* là nội dung có mức độ thực hiện tốt nhất (3.10). Hàng năm, Sở GD&ĐT đều cử cán bộ chuyên trách xuống khảo sát trực tiếp tại các trường THPT NCL và địa bàn dân cư, từ đó ban hành chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng trường THPT NCL.

Đối với nội dung QL này, một số vấn đề chưa được thực hiện tốt chủ yếu liên quan đến QL người học, như: *Thường*

Bảng 1: Thực trạng xây dựng quy hoạch phát triển và chính sách hoạt động đối với các trường THPT NCL ở Hà Nội

TT	Nội dung	Mức độ kết quả thực hiện								X̄	Thứ bậc
		Tốt		Khá		TB		Yếu			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Khảo sát quy mô số lượng HS trên các địa bàn dân cư.	37	21.8	96	56.5	37	21.8	0	0.0	3.00	2
2	Khảo sát, đánh giá nhu cầu học tập trên các địa bàn dân cư.	31	18.2	78	45.9	61	35.9	0	0.0	2.82	6
3	Phối hợp với cơ quan chuyên môn xây dựng quy hoạch phát triển đối với GD THPT NCL.	33	19.4	82	48.2	55	32.4	0	0.0	2.87	4
4	Ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ các cá nhân, tập thể có nhu cầu mở trường THPT NCL.	32	18.8	80	47.1	58	34.1	0	0.0	2.85	5
5	Khảo sát thực tế và cấp phép hoạt động cho các trường THPT NCL theo đúng quy định.	35	20.6	91	53.5	44	25.9	0	0.0	2.95	3
6	Bổ nhiệm cán bộ QL, công nhận Hội đồng quản trị đối với các trường THPT NCL.	38	22.4	96	56.5	36	21.2	0	0.0	3.01	1
Giá trị trung bình										2.92	

Bảng 2: Thực trạng QL công tác tuyển sinh và QL người học đối với các trường THPT NCL ở Hà Nội

TT	Nội dung	Mức độ kết quả thực hiện									
		Tốt		Khá		TB		Yếu		\bar{X}	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Khảo sát thực tế và ban hành chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm đối với các trường THPT NCL.	57	33.5	73	42.9	40	23.5	0	0.0	3.10	1
2	Chỉ đạo và phê duyệt kế hoạch tuyển sinh của các nhà trường THPTNCL.	55	32.4	71	41.8	44	25.9	0	0.0	3.06	2
3	Ban hành các văn bản hướng dẫn công tác tuyển sinh làm cơ sở thực hiện cho các trường THPTNCL.	52	30.6	68	40	50	29.4	0	0.0	3.01	4
4	Thành lập ban chuyên môn thực hiện chỉ đạo và kiểm tra hoạt động tuyển sinh của các trường THPTNCL.	49	28.8	66	38.8	55	32.4	0	0.0	2.96	5
5	Chỉ đạo các nhà trường THPTNCL báo cáo về công tác tuyển sinh và sắp xếp HS vào các lớp học trước mỗi năm học.	53	31.2	72	42.4	45	26.5	0	0.0	3.05	3
6	Duy trì chế độ báo cáo về kết quả học tập, rèn luyện của HS đối với các trường THPTNCL.	45	26.5	54	31.8	71	41.8	0	0.0	2.85	6
7	Thường xuyên kiểm tra tình hình học tập của HS cũng như các hoạt động, điều kiện phục vụ cho hoạt động học tập của HS tại các trường THPTNCL.	42	24.7	59	34.7	69	40.6	0	0.0	2.84	7
8	Xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh liên quan đến người học.	39	22.9	58	34.1	73	42.9	0	0.0	2.80	8
Giá trị trung bình										2.96	

Bảng 3: Thực trạng QL các hoạt động dạy học và GD đối với các trường THPT NCL ở Hà Nội

TT	Nội dung	Mức độ kết quả thực hiện									
		Tốt		Khá		TB		Yếu		\bar{X}	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Chỉ đạo các nhà trường thực hiện đúng mục tiêu, chương trình dạy học.	54	31.8	76	44.7	40	23.5	0	0.0	3.08	1
2	Kiểm duyệt các chương trình tự chủ, đặc thù của từng trường THPTNCL.	44	25.9	52	30.6	74	43.5	0	0.0	2.82	7
3	Phê duyệt kế hoạch dạy chính khóa và kế hoạch học 2 buổi/ngày, dạy thêm, học thêm của các nhà trường THPT NCL.	48	28.2	64	37.6	58	34.1	0	0.0	2.94	4
4	Thường xuyên dự giờ đánh giá hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS.	41	24.1	54	31.8	75	44.1	0	0.0	2.80	8
5	Chỉ đạo nhà trường thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.	52	30.6	63	37.1	55	32.4	0	0.0	2.98	2
6	Tư vấn, bồi dưỡng chuyên môn đối với các trường THPT NCL.	51	30.0	60	35.3	59	34.7	0	0.0	2.95	3
7	Chỉ đạo các trường thực hiện đa dạng hóa các hoạt động GD ngoài giờ lên lớp.	47	27.6	58	34.1	65	38.2	0	0.0	2.89	5
8	Tư vấn, khuyến khích các trường xây dựng các mô hình, phong trào trong GD, góp phần xây dựng văn hóa nhà trường cũng như môi trường học tập năng động, hiện đại, sáng tạo...	45	26.5	56	32.9	69	40.6	0	0.0	2.86	6
Giá trị trung bình										2.92	

xuyên kiểm tra tình hình học tập của HS cũng như các hoạt động, điều kiện phục vụ cho hoạt động học tập của HS tại các trường THPT NCL (2.84); Xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh liên quan đến người học (2.80); Duy trì chế độ báo cáo về kết quả học tập, rèn luyện của HS đối với các trường THPT NCL (2.85).

2.3. Thực trạng quản lý các hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục

Kết quả khảo sát thực trạng QL các hoạt động dạy học và GD đối với các trường THPT NCL tại thành phố Hà Nội được trình bày trong *Bảng 3*. Kết quả khảo sát nội dung này có giá trị trung bình là 2.92 cho thấy thực trạng QL các hoạt động dạy học và GD được thực hiện khá tốt, trong đó một số nội dung được thực hiện tốt hơn, như: *Chỉ đạo các nhà trường thực hiện đúng mục tiêu, chương trình dạy học (3.08); Chỉ đạo nhà trường thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học (2.98)*. Các trường THPT NCL đều thực hiện mục tiêu chương trình giống như các trường THPT công lập. Do đó, việc chỉ đạo của cơ quan QL về chuyên môn được thực hiện đồng bộ. Tuy nhiên, một số trường THPT NCL còn chưa quan tâm nhiều tới việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học hoặc tách ra khỏi các hoạt động sinh hoạt chuyên môn chung của các nhóm trường. QL các hoạt động có kết quả chưa cao, như: *Thường xuyên dự giờ đánh giá hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS (2.80); Kiểm duyệt các chương trình tự chủ, đặc thù của từng trường THPT NCL (2.82); Tư vấn, khuyến khích các nhà trường xây dựng các mô hình, phong trào trong GD, góp phần xây dựng văn hóa nhà trường cũng như môi trường học tập năng động, hiện đại, sáng tạo*

(2.86)... Do địa bàn phân bố rộng nên các hoạt động dự giờ chuyên môn được thực hiện trực tiếp bởi các trường THPT NCL (chủ yếu do trường tự thực hiện). Hoạt động dự giờ của Sở GD&ĐT chủ yếu được thực hiện thông qua các hoạt động thanh tra đối với công tác QL của nhà trường và GV.

2.4. Thực trạng quản lý đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

Kết quả khảo sát thực trạng QL đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên đối với các trường THPT NCL tại thành phố Hà Nội được trình bày trong *Bảng 4*. Kết quả khảo sát nội dung này có giá trị trung bình là 2.85 cho thấy thực trạng QL đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được thực hiện khá tốt, trong đó *Chỉ đạo các hoạt động sinh hoạt chuyên môn, hội thi GV dạy giỏi, nhân viên giỏi, viết sáng kiến kinh nghiệm, làm đồ dùng dạy học, tọa đàm chuyên môn, hội thảo khoa học...* là nội dung được đánh giá thực hiện tốt nhất (điểm trung bình 2.91, xếp bậc 1/6). Đây là nội dung Sở GD&ĐT Hà Nội thực hiện chỉ đạo chung đối với GV THPT toàn thành phố đối với các trường công lập và NCL. Các hoạt động sinh hoạt chuyên môn diễn ra khá thường xuyên. Các hoạt động còn lại thường ít được GV và CBQL trường THPT NCL quan tâm thực hiện.

Về chỉ đạo công tác tuyển dụng, thực hiện chế độ đãi ngộ đối với GV, kiểm soát cơ cấu, chất lượng đội ngũ GV là những nội dung có mức độ kết quả thực hiện còn thấp. Kết quả khảo sát trên cho thấy, công tác QL đội ngũ CBQL, GV ở các trường THPT NCL cần phải được quan tâm nhiều hơn về mặt cơ cấu, số lượng và chất lượng.

2.5. Thực trạng quản lý hoạt động tài chính, cơ sở vật chất và hoạt động xã hội hóa giáo dục

Bảng 4: Thực trạng QL đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên đối với các trường THPT NCL ở Hà Nội

TT	Nội dung	Mức độ kết quả thực hiện								X̄	Thứ bậc
		Tốt		Khá		TB		Yếu			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Kiểm soát số lượng và cơ cấu đội ngũ cán bộ QL, GV và nhân viên cơ hữu, hợp đồng, thỉnh giảng theo đúng quy định.	41	24.1	52	30.6	77	45.3	0	0.0	2.79	6
2	Chỉ đạo trường THPT NCL thực hiện tuyển dụng CBQL, GV phải có đủ các tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn và sức khỏe theo quy định.	45	26.5	56	32.9	69	40.6	0	0.0	2.86	3
3	Các trường THPT NCL thực hiện việc QL, sử dụng, kiểm tra đánh giá chất lượng đội ngũ GV định kì.	44	25.9	53	31.2	73	42.9	0	0.0	2.83	4
4	Chỉ đạo các trường THPT NCL thực hiện chế độ chính sách đầy đủ đối với đội ngũ GV, nhân viên.	43	25.3	52	30.6	75	44.1	0	0.0	2.81	5
5	Tổ chức thường xuyên hoạt động bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho CBQL, GV, nhân viên các trường THPT NCL.	46	27.1	59	34.7	65	38.2	0	0.0	2.89	2
6	Chỉ đạo các hoạt động sinh hoạt chuyên môn, hội thi GV dạy giỏi, nhân viên giỏi, viết sáng kiến kinh nghiệm, làm đồ dùng dạy học, tọa đàm chuyên môn, hội thảo khoa học... nhằm nâng cao năng lực GV, nhân viên các trường THPT NCL.	47	27.6	61	35.9	62	36.5	0	0.0	2.91	1
Giá trị trung bình										2.85	

Bảng 5: Thực trạng QL hoạt động tài chính và cơ sở vật chất đối với các trường THPT NCL ở Hà Nội

TT	Nội dung	Mức độ kết quả thực hiện									
		Tốt		Khá		TB		Yếu		\bar{X}	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Chỉ đạo các trường THPT NCL thực hiện đúng chế độ “thủ trưởng” - kế toán trưởng - thủ quỹ.	46	27.1	65	38.2	59	34.7	0	0.0	2.92	2
2	Chỉ đạo các trường THPT NCL thực hiện công khai các khoản thu - chi trong nhà trường theo quy định.	45	26.5	64	37.6	61	35.9	0	0.0	2.91	3
3	CBQL nhà trường hiểu rõ về các quy định, yêu cầu của các nhà tài trợ khác nhau cũng như các quy trình, quy định về QL ngân sách và các nguồn vốn ngoài ngân sách của trung ương và địa phương.	43	25.3	61	35.9	66	38.8	0	0.0	2.86	6
4	Nhà trường thực hiện cân đối thu - chi theo đúng quy định.	44	25.9	64	37.6	62	36.5	0	0.0	2.89	5
5	CBQL hiểu rõ quy trình kiểm toán và đảm bảo rằng các hồ sơ chứng từ kế toán cho các nguồn vốn của trường được kiểm toán thường xuyên..	42	24.7	61	35.9	67	39.4	0	0.0	2.85	7
6	Sở GD-ĐT thẩm định các điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện dạy học của nhà trường THPT NCL theo các quy định.	47	27.6	69	40.6	54	31.8	0	0.0	2.96	1
7	Sở GD-ĐT thường xuyên rà soát và kiểm tra các điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ cho các hoạt động dạy học và GD trong nhà trường.	41	24.1	59	34.7	70	41.2	0	0.0	2.83	8
8	Sở GD-ĐT tư vấn cho cán bộ QL về các tiêu chuẩn tối thiểu trong QL cơ sở vật chất nhà trường.	45	26.5	63	37.1	62	36.5	0	0.0	2.90	4
Giá trị trung bình										2.89	

Kết quả khảo sát thực trạng QL hoạt động tài chính và cơ sở vật chất đối với các trường THPT NCL tại thành phố Hà Nội được trình bày trong *Bảng 5*. Kết quả khảo sát nội dung này có giá trị trung bình là 2.89, cho thấy thực trạng QL hoạt động tài chính và cơ sở vật chất được thực hiện khá tốt, trong đó *Sở GD&ĐT thẩm định các điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện dạy học của trường theo các quy định và chỉ đạo các trường THPT NCL thực hiện đúng chế độ “thủ trưởng” - kế toán trưởng - thủ quỹ* là nội dung có mức độ thực hiện tốt nhất, với giá trị trung bình lần lượt là 2.96 và 2.92. Đây là những nội dung được Sở GD&ĐT thực hiện khá thường xuyên. Chỉ đạo các trường thực hiện công khai các khoản thu chi tài chính cũng được thực hiện khá thường xuyên. Các nội dung được công khai thường xuyên như: Phí xây dựng trường, tiền ăn (đối với HS bán trú), phí đưa đón bằng xe của trường, bảo hiểm, đồng phục, sách giáo khoa, các hoạt động ngoại khóa...

Công tác QL cơ sở vật chất cũng được Sở GD&ĐT quan tâm thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho các trường THPT NCL hoạt động ổn định. Đánh giá về điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập của các trường THPT NCL tại Hà Nội đều ở mức độ trung bình. Các trường đã đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng được nhu cầu dạy và học; trong đó một số trường đã xây dựng được thương hiệu về chất lượng đào tạo và được phụ huynh, HS tin tưởng, như: Hệ thống Trường Nguyễn Siêu, Trường Lê

Quý Đôn, Trường Lí Thái Tổ, Trường Đoàn Thị Điểm, Trường Olympia, Trường Marie Curie, Trường Việt Úc, Trường THCS - THPT Lương Thế Vinh, Trường THPT FPT, Trường THCS - THPT Lomonoxop, Trường THCS -THPT Nguyễn Bình Khiêm, Trường TH School, Trường THPT Vinschool...

Kết quả khảo sát thực trạng QL hoạt động xã hội hóa GD đối với các trường THPT NCL tại thành phố Hà Nội được trình bày trong *Bảng 6*. Kết quả khảo sát nội dung này có giá trị trung bình là 2.81, cho thấy thực trạng QL hoạt động tài chính và cơ sở vật chất được thực hiện khá tốt, trong đó *Ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện xã hội hóa GD đối với các trường THPT NCL* là nội dung được đánh giá thực hiện tốt nhất (với giá trị trung bình là 2.85). Tuy nhiên, một số nội dung còn chưa được đánh giá cao, như: *Có các chính sách hỗ trợ kịp thời đối với các trường THPT NCL (2.76); Giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện xã hội hóa GD tại các trường THPT NCL (2.78)...*

2.6. Thực trạng quản lí các yếu tố ảnh hưởng đến quản lí các trường trung học phổ thông ngoài công lập ở Hà Nội

Kết quả khảo sát thực trạng QL các yếu tố ảnh hưởng đến QL các trường THPT NCL tại thành phố Hà Nội được trình bày trong *Bảng 7*. Kết quả khảo sát nội dung này có giá trị trung bình là 3.37, cho thấy việc QL các yếu tố ảnh hưởng là rất tốt, trong đó mức độ ảnh hưởng của các yếu tố

Bảng 6: Thực trạng QL hoạt động xã hội hóa GD đối với các trường THPT NCL tại Hà Nội

TT	Nội dung	Mức độ kết quả thực hiện								\bar{X}	Thứ bậc
		Tốt		Khá		TB		Yếu			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện xã hội hóa GD đối với các trường THPT NCL.	43	25.3	58	34.1	69	40.6	0	0.0	2.85	1
2	Tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trường THPT NCL.	40	23.5	56	32.9	74	43.5	0	0.0	2.80	3
3	Có các chính sách hỗ trợ kịp thời đối với các trường THPT NCL.	38	22.4	53	31.2	79	46.5	0	0.0	2.76	5
4	Tư vấn đối với các trường THPT NCL về công tác xã hội hóa GD.	42	24.7	59	34.7	69	40.6	0	0.0	2.84	2
5	Giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện xã hội hóa GD tại các trường THPT NCL.	39	22.9	54	31.8	77	45.3	0	0.0	2.78	4
Giá trị trung bình										2.81	

Bảng 7: Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến QL các trường THPT NCL tại thành phố Hà Nội

TT	Nội dung	Mức độ kết quả thực hiện								\bar{X}	Thứ bậc
		Tốt		Khá		TB		Yếu			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Tình hình phát triển kinh tế, xã hội, trình độ dân trí địa phương.	65	38.2	76	44.7	29	17.1	0	0.0	3.21	7
2	Chính sách, định hướng phát triển đối với GD NCL.	76	44.7	81	47.6	13	7.65	0	0.0	3.37	5
3	Hệ thống các văn bản QL nhà nước đối với hoạt động của trường THPT NCL.	77	45.3	85	50	8	4.71	0	0.0	3.41	4
4	Tính cạnh tranh về chất lượng GD giữa trường THPT công lập và NCL.	67	39.4	79	46.5	24	14.1	0	0.0	3.25	6
5	Nhu cầu học tập của HS.	78	45.9	88	51.8	4	2.35	0	0.0	3.44	2
6	Tính ổn định của nguồn tài chính.	79	46.5	91	53.5	0	0	0	0.0	3.46	1
7	Năng lực của đội ngũ cán bộ QL.	74	43.5	94	55.3	2	1.18	0	0.0	3.42	3
Giá trị trung bình										3.37	

là khác nhau; *Tính ổn định của nguồn tài chính* có mức độ ảnh hưởng lớn nhất (3.46, xếp bậc 1/7). Các trường THPT NCL thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính, hoạt động, các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hoạt động phụ thuộc rất nhiều vào nguồn vốn của hội đồng cổ đông. *Nhu cầu học tập của HS* cũng là yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của các trường THPT NCL (3.44, xếp bậc 2/7). *Hệ thống các văn bản QL nhà nước đối với hoạt động của trường THPT NCL* là yếu tố ảnh hưởng nhiều đến công tác QL nhà nước về trường THPT NCL (3.41). *Năng lực của đội ngũ cán bộ QL* cũng là yếu tố có ảnh hưởng lớn đến QL trường THPT NCL (3.42). Trục tiếp là năng lực của CBQL Sở GD&ĐT và năng lực của CBQL trường THPT NCL. Công tác QL của Sở GD&ĐT đối với các trường THPT NCL được thực hiện thông qua vai trò của CBQL

nhà trường, do vậy hiệu quả QL trường THPT NCL phụ thuộc vào năng lực QL của cả hai cấp QL trên.

Tóm lại, các trường THPT NCL ra đời đã đáp ứng cho việc điều chỉnh và cải tiến hệ thống GD Việt Nam nói chung, GD&ĐT Thủ đô nói riêng trong điều kiện chuyển đổi kinh tế và hội nhập quốc tế. Khẳng định tính đúng đắn và chính sách đa dạng hoá các loại hình nhà trường và chủ trương tăng quyền tự chủ cho tất cả các cơ sở GD&ĐT, các trường THPT NCL đã góp phần nâng cao dân trí, tạo thêm cơ hội học tập cho một bộ phận không nhỏ thanh thiếu niên Thủ đô, giảm bớt sức ép về nhu cầu học tập của nhân dân đối với hệ thống trường THPT công lập. Sự tồn tại song song hai loại hình nhà trường công lập và NCL đã tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh trong GD và góp phần thúc đẩy việc cải thiện chất lượng GD. Hơn nữa, các trường NCL ra

đòi đã giảm bớt gánh nặng cho ngân sách Nhà nước trong khi vẫn tăng số lượng lao động qua đào tạo, từ đó góp phần nâng cao chất lượng lao động lên một bước. Xét một cách tổng quát, các trường NCL đã góp phần quan trọng nhằm nâng cao tính hiệu quả của GD&ĐT. Tuy nhiên, để tiếp tục nâng cao hiệu quả QL hoạt động và phát triển của hệ thống trường THPT NCL, kết quả khảo sát cho thấy công tác QL các trường THPT NCL tại Hà Nội là khá tốt, nhưng vẫn còn nhiều bất cập, cần tiếp tục được hoàn thiện về mọi mặt.

3. Kết luận

Mạng lưới trường THPT NCL đã được hình thành và phát triển mạnh trong những năm qua, từng bước khẳng định

được vai trò, vị trí trong hệ thống GD&ĐT của Thủ đô. Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác phát triển và QL nhưng hệ thống các trường THPT NCL vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế. Vì vậy, cần phải có các giải pháp đồng bộ từ QL nhà nước đến QL nhà trường để từng bước phát triển đồng bộ mạng lưới các trường THPT NCL hài hòa cân đối với hệ thống trường công lập cả về quy mô và phân bố, đồng thời từng bước nâng cao chất lượng GD&ĐT của Thủ đô. Việc phân tích thực trạng QL trường THPT NCL trên địa bàn thành phố Hà Nội sẽ là cơ sở quan trọng để đề xuất các biện pháp QL, góp phần từng bước nâng cao chất lượng GD&ĐT của Thủ đô Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

- [1] Vũ Ngọc Hải - Trần Khánh Đức, (2003), *Hệ thống giáo dục hiện tại trong những năm đầu thế kỉ XXI - Việt Nam và thế giới*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (1998), *Đề án xã hội hoá giáo dục và đào tạo*.
- [3] Quốc hội, (2009), *Luật Giáo dục*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [4] Ban Chấp hành Trung ương, (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [5] Bộ Tài chính, (2000), *Thông tư số 18/2000/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2000 về Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 73/1999/NĐ ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Chính phủ về Chế độ tài chính khuyến khích đối với các cơ sở ngoài công lập trong các lĩnh vực Giáo dục, Y tế, Thể thao*.
- [6] Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, (2000), *Thông tư liên tịch số 44/2000/TLLT-BTC-BGDĐT-BLĐTBXH Hướng dẫn chế độ quản lí tài chính đối với các đơn vị ngoài công lập hoạt động trong các lĩnh vực giáo dục và đào tạo*.
- [7] Nguyễn Quốc Chí - Nguyễn Thị Mỹ Lộc, (2005), *Những xu thế quản lí hiện đại và việc vận dụng vào quản lí giáo dục*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [8] Phạm Tuấn Hùng, (2005), *Một số biện pháp quản lí chuyên môn đối với các trường trung học phổ thông ngoài công lập*, Tạp chí Giáo dục, tháng 5 năm 2005.
- [9] Phạm Tuấn Hùng, (2008), *Một số giải pháp chuyển đổi mô hình trường trung học phổ thông bán công ở Hải Phòng sang loại hình trường trung học phổ thông tự chủ về tài chính*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, tháng 01 năm 2008.
- [10] Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, (2008), *Đánh giá thực trạng công tác quản lí nhà nước trong giáo dục phổ thông ngoài công lập ở Việt Nam hiện nay*, Đề tài mã số B2006-37-08.

CURRENT SITUATION OF NON-PUBLIC HIGH SCHOOL MANAGEMENT IN HANOI CITY

Nguyen Van Cao

Hanoi Department of Education and Training
23 Quang Trung, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam
Email: caonv@hanoi.edu.vn

ABSTRACT: *This paper examines the status of managing non-public high schools in Hanoi city. The theoretical framework for management of non-public high schools towards autonomy and self-responsibility of educational institutions includes the following contents: developing development planning and operational policies; managing enrollment and learner management; managing teaching and educational activities; managing teachers and educational staff; managing finance, facilities, and educational socialization activities, as well as the factors affecting the non-public high school management. The evaluation results show that the non-public high school management towards autonomy and self-responsibility in Hanoi has many advantages, which can contribute to overcome the limitations and shortcomings of the management of educational institutions in general and non-public high schools in Hanoi in particular as well as many other localities.*

KEYWORDS: School management; high schools; non-public high schools; the status of management; assessing the status of management.